

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch đo đạc bản đồ, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4013/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 về việc phê duyệt dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Thanh Hóa; số 2451/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 979/STC-HCSN ngày 22/3/2019; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8078/STNMT-ĐĐBĐ ngày 12/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đo đạc bản đồ, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019 với các nội dung chính như sau:

1. Nguyên tắc thực hiện kế hoạch: Đảm bảo xử lý dứt điểm khối lượng đã được phê duyệt nhưng chưa có nguồn thanh toán và hoàn thành kế hoạch đo đạc bản đồ, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính cho 6 xã, thị trấn thuộc huyện Nông Cống.

Riêng thị trấn Nông Cống đã được đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính trong năm 2010 theo Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh nhưng được mở rộng thị trấn tại Nghị Quyết số 935/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: Diện tích thị trấn Nông Cống cũ và toàn bộ diện tích của xã Minh Thọ, một phần diện tích

của xã Vạn Thiện, Vạn Hòa), do đó sẽ hoàn thành việc đo đạc bản đồ, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính trên phần diện tích mở rộng của thị trấn Nông Công.

2. Khối lượng thực hiện:

- Xây dựng 39 điểm lưới địa chính thuộc huyện Nông Công.
- Đo vẽ, lập bản đồ, hồ sơ địa chính tỷ lệ 1/2000 cho 06 xã, thị trấn thuộc huyện Nông Công với tổng diện tích đo vẽ 4.192,0 ha.
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở: 9.244 giấy.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

3. Giao kinh phí để thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2018: 9.671 triệu đồng (Bằng chữ: Chín tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu đồng).

4. Nguồn kinh phí: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất dành cho công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2019

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện năm 2019; xây dựng lưới địa chính, đo vẽ lập bản đồ, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đối với từng xã, thị trấn; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Hướng dẫn UBND các huyện xây dựng kế hoạch đo đạc bản đồ, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính từ nguồn ngân sách huyện, xã.

- Phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, quyết định việc hỗ trợ kinh phí cho các huyện có nguồn thu tiền sử dụng đất được điều tiết thấp, việc trích tối thiểu 10% từ nguồn thu này không đủ để thực hiện công tác đo đạc bản đồ, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

- Tăng cường đấu thầu với các Bộ, ngành Trung ương để được bổ sung kinh phí thực hiện theo Kế hoạch số 2451/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 về phê duyệt điều chỉnh dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Thanh Hóa.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ để giao kinh phí thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2018; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu cho UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho các huyện có nguồn thu tiền sử dụng đất được điều tiết thấp, việc trích tối thiểu 10% từ nguồn thu này không đủ để thực hiện công tác đo đạc bản đồ, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính. Chủ trì, thẩm định dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch đo đạc bản đồ, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính của 6 xã, thị trấn

thuộc huyện Nông Cống năm 2019, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

3. UBND huyện Nông Cống căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này để xây dựng kế hoạch, tổ chức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân đảm bảo hoàn thành đúng thời gian quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ và kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nông Cống, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn: Hoàng Sơn, Tế Thắng, Tế Lợi, Minh Nghĩa, Vạn Thiện và thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
 - Lưu: VT, NN.
- (MC66.4.19)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền



**Phụ lục: KẾ HOẠCH ĐO VẼ, LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH TỈNH THANH HÓA NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số: 1402/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (ha)	Điểm địa chính (Điểm)	Đo vẽ, lập bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/2000 (ha)			Cấp giấy CNQSD đất ở		
				Cộng	KK2	KK5	Cộng	Cấp mới	Cấp đổi
	Huyện Nông Cống	5.269,20	39	4.192,0	3.270,6	921,4	9.244	268	8.976
1	Lưới địa chính		39						
2	Xã Hoàng Sơn	691,30		542,46	405,61	136,85	1.260	2	1.258
3	Xã Tế Thắng	998,81		716,56	608,32	108,24	1.198	40	1.158
4	Xã Tế Lợi	1.032,60		702,98	587,25	115,73	1.466	39	1.427
5	Xã Minh Nghĩa	762,97		660,33	477,95	182,38	1.831	11	1.820
6	Xã Vạn Thiện	627,37		627,37	506,80	120,57	1.308	35	1.273
7	Thị trấn Nông Cống	1.156,15		942,30	684,67	257,63	2.181	141	2.040